

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 5 năm 2020

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1023/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị B N, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn H A, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trương Thị B N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn H A kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H A không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng thường cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn giữa chị với gia đình bên chồng. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân khoảng 05 năm thì đến năm 2016 được gia đình hai bên hàn gắn nên vợ chồng chung sống lại với nhau. Đến năm 2019 thì giữa chị và anh H A cùng gia đình bên chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Chị và anh H A hiện nay đã ly thân được khoảng 01 năm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn A T, sinh ngày 01/12/2008, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn H A: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh H A vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn H A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị B N và anh Nguyễn H A kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H A được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị N xác định không còn tình cảm yêu thương anh H A, hôn nhân không còn hạnh phúc, Chị N mong muốn được ly hôn với anh H A và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh H A.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn A T, sinh ngày 01/12/2008, hiện đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H A cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của cháu A T là được sống cùng với chị N. Do đó, để đảm bảo cho con chung được ổn định về cuộc sống nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H A không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị B N được ly hôn với anh Nguyễn H A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn A T, sinh ngày 01/12/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H A không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30/12/2019 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001247 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, TP. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

